

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN ĐỘNG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29-4-2022
V/v ly hôn giữa chị T và anh Ch.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lã Văn Minh

2. Bà Đinh Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Trung Kiên - Kiểm sát viên;

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Thôn H, xã Long S, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* **Ngọc Văn Ch**, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Thôn H, xã Long S, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Ngọc Văn Ch vào năm 2009, trước khi cưới có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, tự nguyện thỏa thuận kết hôn, không bị ai cưỡng ép, lừa dối. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long S, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang vào ngày 20/11/2009. Sau khi kết hôn, chị

về nhà anh Ch làm dâu, chung sống cùng gia đình anh Ch. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng từ năm 2013, nguyên nhân là do anh Chung thường xuyên rượu chè, cờ bạc, không tu chí làm ăn, thường xuyên say xỉn về nhà mắng chửi, đánh đập vợ, chị có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Ch không sửa đổi được. Do không thể tiếp tục chung sống cùng anh Ch nên tháng 11/2021 (âm lịch), chị đưa cả hai con về nhà ngoại ở thôn H, xã Long Sơn sinh sống. Vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân căng thẳng, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Ch được ly hôn nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Ngọc Kim H, sinh ngày 11/8/2010 và cháu Ngọc Mạnh K, sinh ngày 19/02/2015. Hiện cả hai cháu đang ở cùng chị.

Ban đầu, chị có đề nghị Tòa án giao cả hai cháu cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, do anh Chung cũng có nguyện vọng được nuôi con nên chị nhất trí với ý kiến của anh Chung, đề nghị Tòa án giao cho mỗi người nuôi một con, giao cháu Ngọc Kim H cho anh Ch nuôi dưỡng và giao cháu Ngọc Mạnh K cho chị nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên.

2. Bị đơn là anh Ngọc Văn Ch trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị T vào năm 2009, trước khi cưới có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, tự nguyện thỏa thuận kết hôn, không bị ai cưỡng ép, lừa dối. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang vào ngày 20/11/2009. Sau khi kết hôn, chị T về nhà anh làm dâu, chung sống cùng gia đình anh. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng từ năm 2019, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm, lối sống, chị T không đáp ứng nhu cầu sinh lý của anh, thường trốn tránh, gây bức xúc cho anh. Tháng 11/2021 (âm lịch) chị T mang cả hai con bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay.

Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị T và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái. Vì vậy, chị T xin ly hôn anh không đồng ý.

Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Ngọc Kim H, sinh ngày 11/8/2010 và cháu Ngọc Mạnh K, sinh ngày 19/02/2015. Hiện cả hai cháu đang ở cùng chị T. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau chăm sóc con cái nhưng nếu vợ chồng ly hôn, đề nghị Tòa án giao cho mỗi người nuôi một con, đề nghị Tòa án giao cháu Ngọc Kim H cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu

Ngọc Mạnh K cho chị T nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Anh Ch cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Tại phiên tòa, anh Ch giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

3. Các con của anh Ch, chị T là cháu Ngọc Kim H và cháu Ngọc Mạnh K đều trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của các cháu là xin được ở cùng chị T.

4. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn thị Toàn và anh Ngọc Văn Chung; về con chung: giao cháu Ngọc Kim Huệ cho anh Chung trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Ngọc Mạnh Kiên cho chị Toàn trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào; miễn án phí ly hôn cho chị Toàn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T và anh Ngọc Văn Ch đều cư trú tại huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Chị Toàn khởi kiện xin ly hôn anh Chung, Tòa án nhân dân huyện Sơn Động thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1, Điều 28 và Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Ngọc Văn Ch kết hôn từ năm 2009 trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận tiến tới hôn nhân, đã thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long S, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang vào ngày 20/11/2009. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Ch là hợp pháp.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù chị T, anh Ch xác định nguyên nhân mâu thuẫn khác nhau nhưng cả hai đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, cả hai đã sống ly thân nhau từ tháng 11/2021 (âm

lich) đến nay. Lời trình bày của chị Toàn phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, tài liệu chứng cứ mà UBND xã Long Sơn cung cấp, có cơ sở xác định anh Chung đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người chồng là thương yêu, chăm sóc vợ con, anh Chung từng bị Công an xã Long Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi bạo lực đối với chị Toàn. Mặc dù mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Chung không làm gì để cải thiện tình hình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng căng thẳng, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, chị Toàn xin ly hôn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh Ch có hai người con chung là cháu Ngọc Kim H và cháu Ngọc Mạnh K. Cả chị T và anh Ch đều đề nghị Tòa án giao cho mỗi người nuôi một con, anh Chung nhận nuôi dưỡng cháu Ngọc Kim H, chị Toàn nhận nuôi dưỡng cháu Ngọc Mạnh K. Anh Ch, chị T đều không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cả anh Ch và chị T đều đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con. Tòa án giao cho mỗi người nuôi một con là phù hợp với nguyện vọng của chị T, anh Ch, đảm bảo cho các cháu có điều kiện phát triển tốt nhất và cũng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về án phí: Chị T yêu xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn nhưng chị Toàn là thành viên hộ nghèo nên được miễn án phí ly hôn theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Ngọc Văn Ch.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc Mạnh K, sinh ngày 19 tháng 02 năm 2015.

Giao anh Ngọc Văn Ch trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc Kim H, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2010.

Anh Ngọc Văn Ch, chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở anh Ch, chị T quyền thăm nom con.

3. Về án phí: Miễn án phí ly hôn cho chị Nguyễn Thị T.

Đương sự có mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án.

** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện SĐ
- VKSND tỉnh BG
- TAND tỉnh BG
- UBND xã Long Sơn
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hằng